

Những phường thợ thành Thăng Long xưa

Thời Lý, toàn kinh đô có 61 phường, trong đó có nhiều phường thợ thủ công lành nghề, hoặc là thủ công nghiệp, mỹ nghệ, hoặc là thương nghiệp, dịch vụ. Tuy sống ở Kê Chợ nhưng họ vẫn gắn bó với nông thôn về nhiều mặt. Cũng có Đình, cũng thờ vị Thành Hoàng làng, có sinh hoạt cộng đồng với các tục lệ, các lễ hội dân gian.

Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi có nhắc đến một số tên phường như: Phường Tàng Kiếm làm kiệu, áo giáp, mâm võng, dù và lọng; Phường Yên Thái làm giấy; Phường Nghi Tàm và phường Thụy Chương dệt vải mịn và lụa; Phường Hà Tân nung đá vôi; Phường Hàng Đào nhuộm điều; Phường Tả Nhất làm quạt; Phường Thịnh Quang có long nhãn...

Đến triều Lê, Thăng Long có 36 phường. Sự hội tụ các phường thợ lành nghề từ khắp tứ trấn về Thăng Long đã tạo ra trên địa bàn kinh thành nhiều sản phẩm nổi tiếng. Một số đã đi vào tục ngữ như: “gốm sứ Bát Tràng, thợ vàng Định Công, thợ đồng Ngũ Xá...”

Gốm sứ Bát Tràng

Theo truyền thuyết ngày xưa, có một số người làng Bồ Bát (còn gọi là Bạch Bát, huyện Yên Mô, Ninh Bình) đi thuyền ngược sông Hồng để buôn bán, gần đến Thăng Long thì thấy một bãi đất hoang phi nhiêu, họ bèn ghé bờ nghỉ đêm.

Đêm ấy có người mơ được vua Thủy Tề rước xuống thủy cung chơi, cảm thông cảnh nghèo khó nên khi khách về, vua sai một đoàn thợ đi theo và xây cho toà nhà lộng lẫy toàn bằng đất thó. Về sau, con cháu người này cứ cật đất thó ra ăn mãi mà tường không đổ. Tính dạn người này kể giấc mơ cho cả đoàn biết.

Mọi người cho đây là điềm lành, bèn quyết định bỏ nghề buôn, ở lại cắm đất làm ấp, lập làng nghề Bát Tràng ngày nay.

Theo một truyền thuyết khác, nghề gốm sứ Bát Tràng đã có từ thời Lý, do 3 ông tổ truyền nghề cho dân 3 nơi, trong đó Bát Tràng và Thổ Hà là hai nơi nổi tiếng hơn cả.

Thời Lý, sử ghi rõ: Chùa Một Cột ở Thăng Long có dựng tháp sứ trắng (hoặc bằng lưu ly, tức đồ gốm có men). Khảo cổ cũng tìm thấy nhiều đồ gốm trang trí ở các di tích thời Lý có tráng men thanh.

Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi viết: “... ở đầu thời Lê, Nhà nước định lệ mỗi lần cống Trung Quốc, làng Bát Tràng phải cung ứng 70 bộ bát đĩa...”. Như vậy, gốm sứ Bát Tràng đã xuất hiện từ thời Lý (Thế kỷ XI) và đạt chất lượng tới mức tinh xảo từ thế kỷ XIV.

Giấy dó lụa vùng Bưởi

Thời xưa, giấy dó là sản phẩm riêng của đất Kinh kỳ, ngày nay vẫn là đặc sản có tính nghệ thuật của Hà Nội.

Đầu thế kỷ XV, sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi từng nhắc đến phường làm giấy Yên Thái. Cánh giã bột dó làm giấy nhện nhip ở đây còn sống mãi trong ca dao cổ: Mịt mù khói tỏa ngàn sương/Nhip chèo Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Phường thợ giấy Yên Thái thuộc vùng Kê Bưởi, gồm bốn làng chuyên làm giấy là Yên Thái, Hồ Khẩu, Đông Xá và Thợ Thôn. Gần đó, làng Nghè (Nghĩa Đô) cũng có nghề giấy.

Làng Nghè làm “giấy sắc vua”, tức loại giấy “Lệnh” để triều đình viết các sắc chỉ. Cao cấp là giấy dó lụa để in tranh và sách quý. Giấy bản để in các văn bản thông thường là loại giấy phổ biến hơn cả. Có loại giấy dai, mỏng, dễ cháy để làm ngòi pháo. Có loại giấy mịn, mỏng, dai, trắng làm giấy cốt dán quạt và làm hàng mã. Giấy xẻ làm bằng nguyên liệu tận dụng là “đầu mặt” của các tấm vỏ dó. Các loại giấy được bán buôn tại chỗ, sau đó toả đi khắp các vùng. Trong nội thành trước đây có phố Hàng Giấy, chuyên bán đủ các loại giấy của vùng Bưởi sản xuất.

Cho đến thế kỷ XVIII, giấy nội đã đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cả nước, Chúa Trịnh đã ra lệnh cho sĩ tử và toàn dân đều dùng giấy nội, không dùng giấy của nước ngoài.

Hàng dệt tơ tằm

Tại đất Ba Vi có câu ca dao: Lụa này thật lụa Cổ Đô/Chính tông “lụa cống” các cô ưa dùng

Cho nên các cô khắp miền gần xa vẫn thường ước ao: Nhân ai trảy chợ Kinh Thành/Mua em tấm lĩnh hoa chanh gửi về

Các làng dệt vùng Bưởi như: Trích Sài, Bái Ân, Yên Thái, Nghĩa Đô nổi tiếng về dệt Lĩn, vẫn lưu truyền câu chuyện xảy ra năm 1011. Một hôm, vua Lý Thái Tổ ngự thuyền rồng đến bến Giang Tân (gần chợ Bưởi ngày nay) thì thấy có căng tấm lĩn dệt nổi hình con rồng. Vua lên bờ thăm hỏi nhân dân, được dân cho biết làng Dâu, xóm Bãi đã dệt tấm lĩn kia để dâng mừng vua. Vua khen dân làng có nghĩa, bèn đổi tên làng Dâu thành Nghĩa Đô, xóm Bãi thành Bãi Ân, lại căn dặn dân làng cố gắng phát triển nghề dệt.

Vua Lý Thái Tông (1021-1054) cho đón thợ dệt từ các vùng về kinh thành để dạy cung nữ kỹ thuật dệt. Chẳng bao lâu, số hàng dệt trong cung có đủ số lượng thay thế toàn bộ hàng gấm vóc mà trước đó hàng năm triều đình phải nhập của nhà Tống.

Đời vua Lê Thánh Tông, vùng Tam Giang (ngoại thành) có nhiều thợ thủ công giỏi, dệt được những hàng cao cấp như Mật Cầu dệt được thứ lụa mỏng, nhiều màu, có thể sánh ngang với lụa của Trung Quốc. Làng Bùng (tức Phúc Xá - Thạch Thất) nổi tiếng về nghề dệt Lụa. Nhân dân ở đây tôn trọng ông Trang Bùng (Phùng Khắc Khoan) là ông Tổ nghề dệt của vùng này. Đền thờ Phùng Khắc Khoan ở làng Bùng còn lưu giữ được bức chân dung ông trên lụa.

Trong danh sách những làng dệt tài hoa còn phải kể đến Vạn Phúc (Hà Đông), Ý La, Trung Thủy, Đại Phùng, Triều Khúc. Làng Đại Mỗ (Từ Liêm) nổi tiếng về dệt lụa hoa (còn gọi là Vân) và thứ hàng cao cấp là Lĩn. Về mặt hàng, ngoài Lĩn, The, Lụa, Vân, Lụa... còn có Chồi, Láng, Thao.

H. Phương (NhịsongHàNoi)

Đâu hơn quê mình

Đào Nguyên Lịch

Xa xăm vẫn hẹn ngày về
 Quê nhà mãi cứ tràn trề yêu thương
 Nơi này đồng lúa, con mương
 Bà con làm lưng, gió sương dãi dầu
 Phương xa nay bạc mái đầu
 Quên sao câu hát “qua cầu gió bay”
 Triền đê nhật sợi cỏ may
 Sông sâu bơi lặn người nay đâu rồi
 Vấn vương trong dạ bồi hồi
 Ngày nào bên bạn cùng ngồi cầu ao
 Ngắm nhìn đàn cá lao xao
 Con diều no gió lượn chao lưng trời
 Nay đang đất khách xa vơi
 Nhớ nhung nguồn cội rồi bồi lòng ta
 Hồn làng chan chứa bao la
 Thấm trong ký ức hiện ra bóng hình
 Làm sao phai nét thanh bình
 Cứ còn theo bước hành trình của ta
 Cánh cò chấp chới đồng xa
 Hòa vào bến nước cây đa mái đình
 Thiết tha quay lại làng mình
 Để mà ấm áp giữa tình yêu thương
 Bốn ba khắp cả bốn phương
 Ở đâu hơn nhĩ quê hương của mình
 Xóm thôn yên ả thanh bình
 Có bao phong cảnh hữu tình quê ta
 Để người khó bước chân ra
 Cho ai vương vấn khi xa chốn này!